

A. Thủy tức. B. Chim bồ câu. C. Rắn hổ mang. D. Giun đất.

Câu 91: Loài động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

A. Cá chép. B. Rắn. C. Bò câu. D. Ốc bươu vàng.

Câu 92: Trong tế bào nhân thực, bào quan nào sau đây có ADN xoắn kép vòng trần?

A. Không bào. B. Bộ máy Gôngi.
C. Lưới nội chất trơn. D. Lục lạp.

Câu 93: Chất nào sau đây không được tạo ra ở chu trình Calvin?

A. APG. B. CO₂. C. AIPG. D. RiDP.

Câu 94: Cây hấp thụ sắt ở dạng nào sau đây?

A. Fe(OH)₂. B. Fe²⁺. C. Fe₂O₃. D. FeO.

Câu 95: Các cây Nho quấn quanh cây gỗ là nhờ kiểu hướng động nào?

A. Hướng đất. B. Hướng sáng. C. Hướng nước. D. Hướng tiếp xúc.

Câu 96: Trong quá trình nguyên phân bình thường, giai đoạn nào sau đây nhiễm sắc thể tồn tại ở trạng thái kép?

A. Kì đầu, kì giữa. B. Kì sau, kì cuối. C. Kì giữa, kì sau. D. Kì đầu, kì cuối

Câu 97: Ở thực vật, nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu nào sau đây là nguyên tố vi lượng?

A. Magiê. B. Mangan. C. Kali. D. Lưu huỳnh.

Câu 98: Ở người, máu được chuyển trực tiếp vào động mạch chủ từ tâm nào sau đây?

A. Tâm thất trái. B. Tâm thất phải. C. Tâm nhĩ trái. D. Tâm nhĩ phải.

Câu 99: Ở tế bào nhân thực, một phân tử ADN có thành phần nuclêôtit loại A chiếm 40%. Tỷ lệ nuclêôtit loại G chiếm

A. 80%. B. 40%. C. 10%. D. 20%.

Câu 100: Áp suất thẩm thấu của máu được duy trì ổn định chủ yếu nhờ vai trò của cơ quan nào sau đây?

A. Tuyến ruột và tuyến tụy. B. Gan và thận.
C. Phổi và thận. D. Các hệ đệm pH.

Câu 101: Diễn biến của hệ tuần hoàn kín diễn ra theo trật tự nào?

A. Tim – Tĩnh mạch – Động mạch – Mao mạch – Tim.
B. Tim – Động mạch – Tĩnh mạch – Mao mạch – Tim.
C. Tim – Tĩnh mạch – Mao mạch – Động mạch – Tim.
D. Tim – Động mạch – Mao mạch – Tĩnh mạch – Tim.

Câu 102: Trật tự tiêu hóa thức ăn trong đường tiêu hóa ở thỏ diễn ra như thế nào?

- A. Dạ dày – manh tràng – ruột non – ruột già.
- B. Dạ dày – ruột non – manh tràng – ruột già.
- C. Manh tràng – dạ dày – ruột non – ruột già.
- D. Dạ dày – ruột non – ruột già – manh tràng.

Câu 103: Khi nói về hệ tuần hoàn của cá chép, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Tâm thất bơm máu vào động mạch lưng.
- B. Máu ở tâm nhĩ có màu đỏ tươi.
- C. Máu ở động mạch mang có màu đỏ thẫm.
- D. Máu ở động mạch lưng có màu đỏ thẫm.

Câu 104: Ở người, phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về tiêu hóa thức ăn trong đường tiêu hóa?

- A. Ở ruột già có tiêu hoá cơ học và hoá học.
- B. Ở ruột non có tiêu hoá cơ học và hoá học.
- C. Ở dạ dày có tiêu hoá cơ học và hoá học.
- D. Ở miệng có tiêu hoá cơ học và hoá học.

Câu 105: So với hệ tuần hoàn hở thì hệ tuần hoàn kín có máu chảy trong động mạch dưới áp lực

- A. cao, tốc độ máu chảy chậm.
- B. thấp, tốc độ máu chảy chậm.
- C. cao, tốc độ máu chảy nhanh.
- D. thấp, tốc độ máu chảy nhanh.

Câu 106: Khi nói về quá trình vận chuyển các chất trong cây, phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Sản phẩm quang hợp được vận chuyển trong mạch rây là đường glucôzơ.
- B. Tế bào lông hút có chức năng hấp thụ nước và muối khoáng.
- C. Tế bào mạch gỗ là tế bào chết còn tế bào mạch rây là tế bào sống.
- D. Thoát hơi nước ở lá là động lực chính của quá trình vận chuyển nước trong thân.

Câu 107: Cơ quan hô hấp của nhóm động vật nào trao đổi khí hiệu quả nhất?

- A. Phổi của bò sát.
- B. Phổi của chim.
- C. Phổi người.
- D. Phổi và da của ếch nhái.

Câu 108: Ở châu chấu, hệ tuần hoàn hở không thực hiện chức năng vận chuyển

- A. chất dinh dưỡng.
- B. khí trong hô hấp.
- C. máu và dịch mô.
- D. sản phẩm bài tiết.

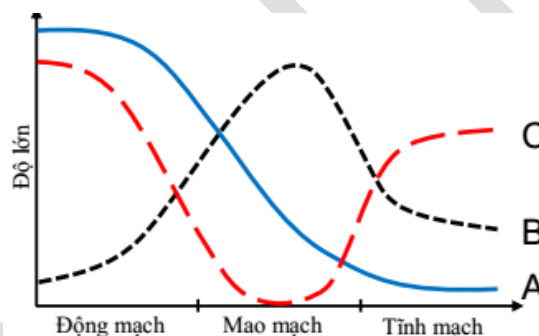
Câu 109: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về 1 chu kì tim ở người?

- A. Tâm thất co nhờ nhận xung thần kinh trực tiếp từ bó His.
- B. Tâm nhĩ có thời gian giãn nhiều hơn tâm thất.
- C. Tâm nhĩ co nhờ nhận xung thần kinh trực tiếp từ nút xoang nhĩ.
- D. Tâm nhĩ co trước, tâm thất co sau.

Câu 110: Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng

- A. tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh.
- B. làm tăng hay giảm hoạt động trong cơ thể để đưa môi trường trong về trạng thái cân bằng và ổn định.
- C. điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.
- D. làm biến đổi điều kiện lý hoá của môi trường trong cơ thể.

Câu 111: Độ lớn của huyết áp, vận tốc máu và tổng tiết diện của các mạch máu trong hệ mạch cơ thể động vật được thể hiện ở hình bên. Các đường cong trong hình này lần lượt là đồ thị biểu diễn sự thay đổi độ lớn của:



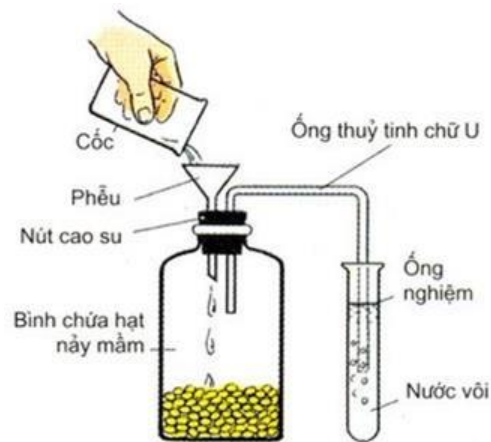
- A. (A) Tổng tiết diện của các mạch, (B) huyết áp, (C) vận tốc máu.
- B. (A) Vận tốc máu, (B) tổng tiết diện của các mạch, (C) huyết áp.
- C. (A) Huyết áp, (B) tổng tiết diện của các mạch, (C) vận tốc máu.
- D. (A) Huyết áp, (B) vận tốc máu, (C) tổng tiết diện của các mạch.

Câu 112: Ở động vật, khi nói về trao đổi khí, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Bề mặt trao đổi khí khô ráo để dễ lưu chuyển không khí.
- B. Bề mặt trao đổi khí mỏng để tăng diện tích tiếp xúc với môi trường.
- C. Sắc tố hô hấp có chức năng làm giảm nồng độ Oxi trong dịch tuần hoàn.
- D. Trao đổi khí ở tại bề mặt trao đổi khí theo cơ chế vận chuyển chủ động.

Câu 113: Hình vẽ bên mô tả thí nghiệm về các hoạt động của hạt đang nảy mầm. Biết sau khi cấp nước, miệng phễu được bịt kín, nước vôi trong ống nghiệm là nước vôi trong. Khi

nước vôi trong ống nghiệm chuyển từ trong sang đục, so với lúc bắt đầu thí nghiệm, phát biểu nào sau đây là **sai**?



- A. Nhiệt độ trong bình chứa hạt nảy mầm tăng.
- B. Hàm lượng khí oxi trong bình giảm.
- C. Hàm lượng khí CO₂ tăng.
- D. Thể tích của hạt giảm.

Câu 114: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về ảnh hưởng của ánh sáng lên quá trình quang hợp?

- A. Tại điểm bù ánh sáng, cường độ quang hợp bằng cường độ hô hấp.
- B. Tại điểm bão hòa ánh sáng, cường độ quang hợp là cực đại.
- C. Cây ưa bóng có điểm bù ánh sáng thấp hơn cây ưa sáng.
- D. Tại điểm bù ánh sáng, cường độ quang hợp là thấp nhất.

Câu 115: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về hô hấp sáng ở thực vật?

- A. Ba bào quan thực hiện là lục lạp, ti thể và perôxixôm.
- B. Gây lãng phí sản phẩm quang hợp.
- C. Giải phóng năng lượng để tổng hợp ATP.
- D. Có giải phóng phân tử CO₂.

Câu 116: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về điểm giống nhau giữa quang hợp thực vật C₄ và CAM?

- A. chất cố định sơ cấp CO₂ đầu tiên có 4 carbon.
- B. pha sáng và chu trình Calvin diễn ra trong cùng một lục lạp.
- C. chu trình Calvin diễn ra vào ban ngày.
- D. sản phẩm của pha sáng là ATP và NADPH.

Câu 117: Khi nói về cảm ứng ở thực vật, có bao nhiêu hiện tượng sau đây là kiểu hướng động ở thực vật?

- (I). Đỉnh sinh trưởng của cành và thân luôn hướng về phía có ánh sáng.
 - (II). Hệ rễ của thực vật luôn phát triển sâu xuống lòng đất để tìm nguồn nước và muối khoáng.
 - (III). Hiện tượng cuộn lá và xòe lá của cây hoa trinh nữ khi bị va chạm.
 - (IV). Hoa bồ công anh nở ra lúc sáng và cuộn lại lúc chạng vạng tối hoặc lúc ánh sáng yếu.
 - (V). Hoa nghệ tây và hoa tulip nở và cuộn theo sự thay đổi nhiệt độ của môi trường.
- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 118: Khi nói về pha sáng của quang hợp ở thực vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai**?

- I. Quang phân li nước để cung cấp H^+ cho diệp lục.
 - II. Sản phẩm của pha sáng cung cấp cho pha tối là NADH và ATP.
 - III. Năng lượng của ánh sáng được chuyển vào ATP và NADH.
 - IV. Pha sáng chuyển hóa năng lượng quang năng thành hóa năng.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 119: Có bao nhiêu phát biểu sau đây là **sai** khi nói về cơ chế cân bằng nội môi ở người?

- (I). Hoạt động của phổi và thận tham gia vào quá trình duy trì ổn định độ pH của nội môi.
 - (II). Khi cơ thể vận động mạnh thì sẽ làm tăng huyết áp.
 - (III). Hooc môn insulin tham gia vào quá trình chuyển hóa glucôzơ thành glicogen.
 - (IV). Khi nhin thở thì sẽ làm tăng độ pH của máu.
- A. 1 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 120: Khi nói về hệ tuần hoàn ở động vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng?

- (I). Ở hầu hết động vật, nhịp tim tỉ lệ nghịch với khối lượng cơ thể.
 - (II). Càng xa tim huyết áp càng tăng, tốc độ máu chảy càng lớn.
 - (III). Tim đập nhanh và mạnh làm huyết áp tăng, tim đập chậm và yếu làm huyết áp giảm.
 - (IV). Huyết áp cực đại ứng với lúc tim co, cực tiểu lúc tim giãn.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

ĐÁP ÁN

1	A
---	---

2	D
3	D
4	A
5	C
6	D
7	B
8	C
9	A
10	A
11	D
12	D
13	B
14	B
15	D
16	A
17	B
18	A
19	C
20	B
21	D
22	B
23	C
24	A
25	C
26	A
27	B
28	B
29	A
30	B
31	C

32	C
33	D
34	D
35	C
36	B
37	D
38	C
39	A
40	C

2. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 2

SỞ GD&ĐT CÀ MAU

TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

MÔN SINH 11

Thời gian làm bài: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. Động vật có các hình thức trao đổi khí với môi trường như: qua bề mặt cơ thể, qua mang, qua ống khí, qua phổi. Em hãy sắp xếp các loài động vật dưới đây thành các nhóm theo hình thức trao đổi khí với môi trường.

Châu chấu, trùng biến hình, ốc, ba ba, rắn nước, cua, giun đốt, gián

A. Nhóm 1: trùng biến hình, giun đốt; nhóm 2: ốc, cua, rắn nước; nhóm 3: châu chấu, gián; nhóm 4: ba ba.

B. Nhóm 1: trùng biến hình; nhóm 2: ốc, cua, rắn nước; nhóm 3: châu chấu, gián, giun đốt; nhóm 4: ba ba.

C. Nhóm 1: trùng biến hình; nhóm 2: ốc, cua, rắn nước, giun đốt; nhóm 3: châu chấu, gián; nhóm 4: ba ba.

D. Nhóm 1: trùng biến hình, giun đốt; nhóm 2: ốc, cua; nhóm 3: châu chấu, gián; nhóm 4: ba ba, rắn nước.

Câu 2. Tại sao máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn chỉ theo một chiều nhất định?

A. Do sức hút của tim lớn.

B. Nhờ các van có trong hệ mạch.

C. Do lực đẩy của tim.

D. Do tính đàn hồi của thành mạch.

Câu 3. Thứ tự nào dưới đây đúng với chu kì hoạt động của tim?

A. Pha co tâm thất → pha co tâm nhĩ → pha dẫn chung.

B. Pha co tâm thất → pha dẫn chung → pha dẫn chung.

C. Pha co tâm nhĩ → pha co tâm thất → pha dẫn chung.

D. Pha co tâm nhĩ → pha dẫn chung → pha co tâm thất.

Câu 4. Nhóm sinh vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

A. Giun đốt.

B. Cá.

C. Mực ống.

D. Chân khớp

Câu 5. Máu chảy nhanh hay chậm phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào sau đây?

A. Tổng tiết diện của mạch và sự chênh lệch huyết áp giữa hai đầu đoạn mạch.

B. Lưu lượng máu có trong tim.

C. Tiết diện mạch.

D. Chênh lệch huyết áp giữa các đoạn mạch.

Câu 6. Khi hàm lượng glucôzơ trong máu giảm thì cơ thể điều hoà hàm lượng glucôzơ trong máu diễn ra theo trật tự nào?

A. Gan → Glucagôn → Tuyến tụy → Glicôgen → Glucôzơ trong máu tăng.

B. Gan → Tuyến tụy → Glucagôn → Glicôgen → Glucôzơ trong máu tăng.

C. Tuyến tụy → Gan → Glucagôn → Glicôgen → Glucôzơ trong máu tăng.

D. Tuyến tụy → Glucagôn → Gan → Glicôgen → Glucôzơ trong máu tăng.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **đúng** khi nói về cân bằng nội môi ở động vật?

A. Trong cơ thể, chỉ có các hệ đệm mới có vai trò trong điều hoà cân bằng pH nội môi.

B. Cân bằng nội môi là duy trì sự ổn định của môi trường trong.

C. Thận tham gia điều hoà cân bằng áp suất thẩm thấu nhờ khả năng điều hoà nồng độ các chất hoà tan trong máu như glucôzơ,...

D. Gan tham gia điều hoà cân bằng áp suất thẩm thấu nhờ khả năng tái hấp thụ hoặc thải bớt nước và các chất

Câu 8. Tại sao trời nóng thì cơ thể chóng khát?

(1) Trời nóng cơ thể ra nhiều mồ hôi, làm tăng áp suất thẩm thấu của máu.

(2) Áp suất thẩm thấu của máu tăng kích thích vùng dưới đồi gây ra cảm giác khát.

(3) Trời nóng làm cho cơ thể toả nhiều nhiệt nên cần nhiều nước để hạ nhiệt gây ra cảm giác thiếu nước và khát. Phương án đúng là

A. (1) và (3).

B. (1), (2) và (3).

C. (1) và (2).

D. (2) và (3).

Câu 9. Hướng động có vai trò giúp cho cây

- A. Khi mới bón phân, cây dễ hút nước do sự sinh trưởng của rễ tăng, sau đó sự hút nước giảm dần.
- B. Khi mới bón phân, cây khó hút nước do nồng độ dịch đất tăng, sau đó cây dễ hút nước hơn do hút khoáng làm tăng dịch bào.
- C. Khi mới bón phân, hàm lượng H^+ giảm, cây tăng cường hút nước để bù lại, sau đó hàm lượng H^+ cân bằng, quá trình hút nước trở lại bình thường.
- D. Khi mới bón phân, hàm lượng OH^- tăng, cây giảm hút nước, sau đó hàm lượng OH^- cân bằng quá trình hút nước trở lại bình thường.

Câu 14. Chất hữu cơ vận chuyển từ lá đến các nơi khác trong cây bằng con đường nào?

- A. Vách xenlulôzơ
C. Mạch rây theo nguyên tắc khuyết tán.
 B. Mạch gỗ theo nguyên tắc khuyết tán.
 D. Tầng cutin.

Câu 15. Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu

- A. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.
 B. từ mạch gỗ sang mạch rây.
 C. từ mạch rây sang mạch gỗ.
D. qua mạch gỗ.

Câu 16. Sơ đồ về các giai đoạn hô hấp hiếu khí ở thực vật: Glucôzơ → đường phân → Chu trình Crep → (X) → ATP.

Dấu (x) trong sơ đồ trên là giai đoạn nào của quá trình hô hấp hiếu khí?

- A. (X): Lên men etilic.
B. (X): Chuỗi chuyền electron.
 C. (X): Lên men lactic.
 D. (X): Chu trình Calvin.

Câu 17. Phương trình hô hấp hiếu khí nào dưới đây là chính xác?

- A. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6CO_2 + 6H_2O$.
 B. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6H_2O + 6CO_2 + ATP$.
C. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6H_2O + 6CO_2 + \text{năng lượng (nhiệt + ATP)}$.
 D. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6H_2O + 6CO_2 + NADPH + NADH + ATP$.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây có ở thú ăn thịt?

- A. Ruột non dài.
B. Dạ dày đơn to, răng hàm sắc, răng nanh phát triển.
 C. Dạ múi khế có enzym pepsin phân hủy prôtêin.
 D. Có vi sinh vật phân hủy xenlulôzơ sống cộng sinh.

III. Răng cửa và răng nanh khác nhau, thích nghi với các chức năng khác nhau.

IV. Răng cửa và răng nanh giống nhau.

A. II, IV.

B. I, III.

C. I, IV.

D. II, III.

Câu 24. Bề mặt trao đổi khí của chim, thú lớn hơn của lưỡng cư và bò sát. Có bao nhiêu ý giải thích cho hiện tượng này dưới đây là **đúng**?

(1) Nhu cầu trao đổi khí của chim, thú cao hơn lưỡng cư, bò sát.

(2) Chim, thú là động vật biến nhiệt nên cần nhiều năng lượng để giữ thân nhiệt.

(3) Chim và thú hoạt động nhiều nên cần nhiều năng lượng.

(4) Lưỡng cư, bò sát là động vật biến nhiệt nên nhiệt độ cơ thể ổn định, nhu cầu trao đổi khí thấp hơn.

(5) Lưỡng cư, bò sát sống ở môi trường ổn định hơn nên nhu cầu trao đổi khí thấp hơn.

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 5.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (4 điểm)

Câu 1: Bệnh tim mạch là gì? Kể tên một số bệnh tim mạch? Hãy tư vấn biện pháp phòng ngừa bệnh tim mạch?

Câu 2: Vẽ sơ đồ và trình bày mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp ở thực vật?

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm:

Câu hỏi	Đ/A
1	D
2	B
3	C
4	D
5	A
6	D
7	B
8	C
9	D
10	D
11	A

12	A
13	B
14	C
15	D
16	B
17	C
18	B
19	A
20	D
21	A
22	B
23	B
24	C

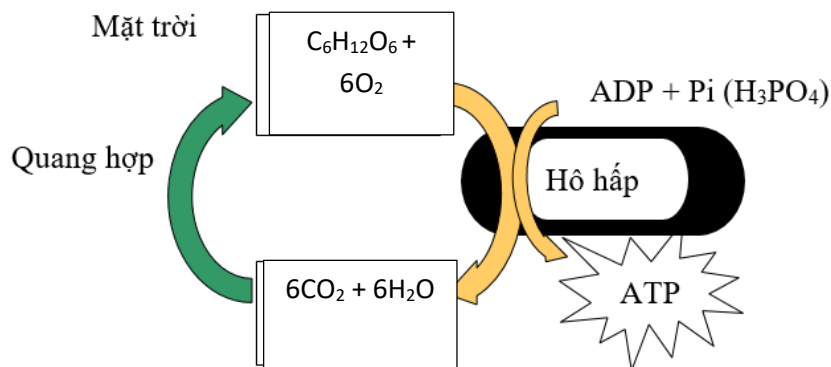
II. Phần tự luận:

Câu 1:

- Bệnh tim mạch là các tình trạng liên quan đến sức khỏe của trái tim, sự hoạt động của các mạch máu gây suy yếu khả năng làm việc của tim.
- Các bệnh tim mạch bao gồm: các bệnh mạch máu như bệnh động mạch vành, bệnh cơ tim, loạn nhịp tim và suy tim.
- Bệnh tim do dị tật thì không thể ngăn chặn. Còn với các loại bệnh tim mạch khác, bạn có thể phòng ngừa bằng cách:
 - + Theo dõi và kiểm soát tốt hàm lượng Cholesterol trong máu.
 - + Kiểm soát huyết áp, bệnh tiểu đường.
 - ◀ + Không hút thuốc lá, rượu bia, các chất kích thích gây hại.
 - + Chế độ ăn uống lành mạnh, tốt cho sức khỏe.
 - + Giữ cân nặng luôn ổn định, tránh béo phì.
 - + Luyện tập thể dục thể thao điều độ.
 - + Ngủ đủ giấc, tránh căng thẳng.
 - + Kiểm tra sức khỏe theo định kỳ để phát hiện và tầm soát bệnh sớm nhất.

Câu 2:

- Vẽ sơ đồ về mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp: (1 điểm)



- Mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.
Quang hợp và hô hấp là 2 quá trình có mối quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Sản phẩm của quang hợp ($C_6H_{12}O_6 + 6O_2$) là nguyên liệu của hô hấp và chất ôxi hóa trong hô hấp. Sản phẩm của hô hấp ($6CO_2 + 6H_2O$) là nguyên liệu để tổng hợp nên $C_6H_{12}O_6$ và giải phóng ôxi trong quang hợp.

3. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN LINH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Sinh học 11

Năm học: 2019- 2020

Thời gian: 60 phút không kể thời gian giao đề

Câu 1. Ở người thức ăn vào miệng rồi lần lượt qua các bộ phận

- A. thực quản, ruột non, ruột già, dạ dày.
- B. dạ dày, thực quản, ruột non, ruột già.
- C. thực quản, ruột non, dạ dày, ruột già.
- D. thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.

Câu 2. Quá trình tiêu hoá thức ăn trong túi tiêu hoá là

- A. thức ăn được tiêu hoá nội bào sau đó các chất dinh dưỡng tiêu hoá dạng dở tiếp tục được tiêu hoá ngoại bào.
- B. tế bào trên thành túi tiết enzyme tiêu hoá ngoại bào sau đó các chất dinh dưỡng tiêu hoá dạng dở tiếp tục được tiêu hoá nội bào.

C. tế bào trên thành túi tiết enzym vào khoang tiêu hoá để tiêu hoá thức ăn thành các chất đơn giản.

D. thức ăn được đưa vào từng tế bào của cơ thể rồi tiết enzym tiêu hoá nội bào.

Câu 3. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của người là

A. miệng → thực quản → dạ dày → ruột già → ruột non → hậu môn.

B. miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

C. miệng → thực quản → ruột non → dạ dày → ruột già → hậu môn.

D. miệng → dạ dày → thực quản → ruột non → ruột già → hậu môn.

Câu 4. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của giun đất là

A. miệng → hầu → thực quản → điều → mề → ruột → hậu môn.

B. miệng → thực quản → hầu → điều → ruột → mề → hậu môn.

C. miệng → hầu → thực quản → mề → điều → ruột → hậu môn.

D. miệng → hầu → điều → thực quản → mề → ruột → hậu môn.

Câu 5. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của châu chấu là

A. miệng → thực quản → điều → dạ dày → ruột → hậu môn.

B. miệng → thực quản → điều → ruột → dạ dày → hậu môn.

C. miệng → thực quản → dạ dày → điều → ruột → hậu môn.

D. miệng → điều → thực quản → dạ dày → ruột → hậu môn.

Câu 6. Sự tiêu hoá thức ăn ở dạ tổ ong diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

B. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

C. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

D. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hoá xellulôzơ.

Câu 7. Đặc điểm nào **không** có ở thú ăn cỏ?

A. Dạ dày 1 hoặc 4 ngăn.

B. Ruột dài.

C. Manh tràng phát triển.

D. Ruột ngắn.

Câu 8. Đặc điểm tiêu hoá ở thú ăn thịt như thế nào?

A. Vừa nhai vừa xé nhỏ thức ăn.

B. Dùng răng xé nhỏ thức ăn rồi nuốt.

C. Nhai thức ăn trước khi nuốt.

D. Chỉ nuốt thức ăn.

Câu 9. Ở động vật nhai lại, sự tiêu hoá thức ăn ở dạ lá sách diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

B. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

C. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

D. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hoá xellulôzơ.

Câu 10. Ở động vật nhai lại, sự tiêu hoá thức ăn ở dạ múi khế diễn ra như thế nào?

A. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

B. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

C. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hoá xellulôzơ.

D. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

Câu 11. Vì sao mang cá xương có diện tích bề mặt trao đổi khí lớn?

A. Vì mang có kích thước lớn.

B. Vì có nhiều cung mang.

C. Vì mang có nhiều cung mang và mỗi cung mang gồm nhiều phiến mang.

D. Vì mang có nhiều phiến mang và mỗi phiến mang gồm nhiều cung mang.

Câu 12. Vì sao nồng độ O_2 trong không khí thở ra thấp hơn so với hít vào phổi?

A. Vì một lượng O_2 còn lưu giữ trong phế quản.

B. Vì một lượng O_2 đã ôxi hóa các chất trong cơ thể.

C. Vì một lượng O_2 đã khuếch tán vào máu trước khi đi ra khỏi phổi.

D. Vì một lượng O_2 còn lưu giữ trong phế nang.

Câu 13. Vì sao phổi của thú có hiệu quả trao đổi khí ưu thế hơn ở phổi của bò sát, lưỡng cư?

A. Vì phổi thú có cấu trúc phức tạp hơn.

B. Vì phổi thú có diện tích bề mặt trao đổi khí lớn.

C. Vì phổi thú có kích thước lớn hơn.

D. Vì phổi thú có khối lượng lớn hơn.

Câu 14. Các loại thân mềm và chân khớp sống trong nước có hình thức hô hấp như thế nào?

A. Hô hấp bằng phổi.

B. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

C. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

D. Hô hấp bằng mang.

Câu 15. Vì sao nồng độ CO_2 trong không khí thở ra cao hơn so với hít vào?

A. Vì một lượng CO_2 thải ra trong hô hấp tế bào của phổi.

B. Vì một lượng CO_2 được dồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.

C. Vì một lượng CO_2 còn lưu giữ trong phế nang.

D. 110 – 120mmHg, 60 – 70mmHg.

Câu 23. Trong hệ mạch huyết áp giảm dần từ

A. động mạch → tiểu động mạch → mao mạch → tiểu tĩnh mạch → tĩnh mạch.

B. tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → động mạch.

C. động mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → tĩnh mạch.

D. mao mạch → tiểu động mạch → động mạch → tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch.

Câu 24. Huyết áp động mạch ở người thường được đo ở đâu?

A. Tay trái.

B. Tay phải.

C. Cánh tay.

D. Ngực.

Câu 25. Huyết áp động mạch ở trâu, bò, ngựa được đo ở đâu?

A. Cổ.

B. Tai.

C. Chân.

D. Đuôi.

Câu 26. Cân bằng nội môi là duy trì sự ổn định của môi trường

A. trong tế bào.

B. trong mô.

C. trong cơ thể.

D. trong cơ quan.

Câu 27. Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng

A. điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.

B. làm biến đổi điều kiện lí hoá của môi trường trong cơ thể.

C. tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh.

D. làm tăng hay giảm hoạt động trong cơ thể để đưa môi trường trong về trạng thái cân bằng và ổn định.

Câu 28. Tụy tiết ra những hoocmôn tham gia vào cơ chế cân bằng nội môi nào?

A. Điều hoà hấp thụ nước ở thận.

B. Điều hoà nồng độ glucôzơ trong máu.

C. Điều hoà hấp thụ Na^+ ở thận.

D. Điều hoà pH máu.

Câu 29. Tụy tiết ra hoocmôn nào?

A. Andôstêrôn, ADH.

B. Glucagôn, Insulin.

C. Glucagôn, renin.

D. ADH, renin.

Câu 30. Thận có vai trò quan trọng trong cơ chế cân bằng nội môi nào?

A. Điều hoà huyết áp.

B. Điều hoà nồng độ glucôzơ trong máu.

C. Điều hoà áp suất thẩm thấu.

D. Điều hoá huyết áp và áp suất thẩm thấu.

Câu 31: Theo tác nhân kích thích, có các kiểu hướng động:

A. hướng sáng, hướng đất, hướng dinh dưỡng

B. hướng sáng, hướng đất, hướng nước, hướng hóa, hướng tiếp xúc

C. hướng nước, hướng phân bón, hướng mặt trời

D. hướng dinh dưỡng, tránh xa nguồn chất độc hại

Câu 32: Ý nghĩa của hướng trọng lực đối với cây là

A. giúp rễ cây tìm đến nguồn nước để hút nước.

B. giúp cây luôn hướng về ánh sáng để quang hợp.

C. rễ cây mọc vào đất để giữ cây và hút chất dinh dưỡng.

D. giúp cây bám vào vật cứng khi tiếp xúc.

Câu 33: Ý nghĩa của hướng sáng đối với cây là

A. giúp rễ cây tìm đến nguồn nước để hút nước.

B. giúp cây luôn hướng về ánh sáng để quang hợp.

C. rễ cây mọc vào đất để giữ cây và hút chất dinh dưỡng,

D. giúp cây bám vào vật cứng khi tiếp xúc.

Câu 34: Thân và rễ của cây có kiểu hướng động như thế nào?

A. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực dương.

B. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.

C. Thân hướng sáng âm và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực âm.

D. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.

Câu 35: Sự vận động bắt mồi của cây gọng vó là sự kết hợp của các kiểu ứng động nào?

A. Ứng động tiếp xúc và hóa ứng động.

B. Ứng động không sinh trưởng và ứng động tiếp xúc.

C. Ứng động sinh trưởng và hóa ứng động.

D. Ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng.

Câu 36: Sự vận động nở hoa thuộc kiểu ứng động nào?

- A. Ứng động sinh trưởng.
- B. Ứng động không sinh trưởng.
- C. Ứng động tiếp xúc.
- D. Ứng động tổn thương.

Câu 37: Ở thực vật, điểm khác nhau cơ bản giữa ứng động và hướng động là gì?

- A. Tác nhân kích thích không định hướng.
- B. Có sự vận động vô hướng.
- C. Không liên quan đến sự phân chia tế bào.
- D. Có nhiều tác nhân kích thích.

Câu 38: Điểm khác nhau giữa ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng là gì?

- A. Ứng động sinh trưởng do cấu trúc kiểu hình thay đổi dưới tác động của ngoại cảnh, còn ứng động không sinh trưởng do biến đổi sức trương nước trong tế bào.
- B. Ứng động không sinh trưởng xảy ra do sự sinh trưởng không đồng đều tại các mặt trên và mặt dưới của cơ quan khi có kích thích.
- C. Ứng động sinh trưởng xảy ra do biến động sức trương trong các tế bào chuyên hoá.
- D. Ứng động sinh trưởng là quang ứng động, còn ứng động không sinh trưởng là ứng động sức trương.

Câu 39: Cho các kiểu ứng động sau:

- (1) Nhiệt ứng động.
- (2) Quang ứng động.
- (3) Ứng động sức trương.
- (4) Ứng động tiếp xúc.
- (5) Hoá ứng động.

Kiểu ứng động nào thuộc kiểu ứng động sinh trưởng?

- A. (1) và (2).
- B. (1) và (4).
- C. (2) và (3).
- D. (4) và (5).

Câu 40: Nguyên nhân nào gây ra sự vận động cuộn lá của cây trinh nữ khi va chạm?

- A. Sự thay đổi đột ngột sức trương nước của tế bào.
- B. Sự thay đổi trạng thái sinh lí, sinh hoá của cây khi có kích thích theo nhịp sinh học.
- C. Sự co rút của chất nguyên sinh.

D. Sự vận động không có sự sinh trưởng dẫn dài của các tế bào.

4. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 4

TRƯỜNG THPT NGHĨA MINH

ĐỀ KIỂM TRA ÔN TẬP HỌC KÌ I

Môn: Sinh học 11

Năm học: 2019- 2020

Thời gian: 60 phút không kể thời gian giao đề

Câu 1. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hóa, thức ăn được

- A. tiêu hóa ngoại bào
- B. tiêu hoá nội bào.
- C. tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.
- D. một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 2. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được

- A. tiêu hóa ngoại bào.
- B. tiêu hoá nội bào.
- C. tiêu hóa ngoại bào và tiêu hoá nội bào.
- D. một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 3. Ở động vật có ống tiêu hóa, thức ăn được tiêu hoá theo kiểu

- A. tiêu hóa ngoại bào.
- B. tiêu hoá nội bào.
- C. tiêu hóa ngoại bào và tiêu hoá nội bào.
- D. một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 4. Tiêu hóa là quá trình

- A. biến đổi chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.
- B. biến đổi chất đơn giản có trong thức ăn thành những chất dinh dưỡng mà cơ thể hấp thụ được
- C. biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng và tạo ra năng lượng.
- D. tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng, hình thành phân thải ra ngoài cơ thể.

Câu 5. Các loài động vật tiêu hóa thức ăn bằng túi tiêu hóa là

- A. động vật đơn bào.
- B. các loài ruột khoang và giun dẹp.
- C. động vật có xương sống
- D. côn trùng và giun đất.

Câu 6. Chức năng nào sau đây **không** đúng với răng của thú ăn cỏ?

- A. Răng cửa giữ và giặt cỏ.
- B. Răng nanh nghiền nát cỏ.
- C. Răng cạnh hàm và răng hàm có nhiều gờ cứng giúp nghiền nát cỏ.
- D. Răng nanh giữ và giặt cỏ.

Câu 7. Ở động vật ăn cỏ, sự tiêu hoá thức ăn như thế nào?

- A. Tiêu hoá hoá và cơ học.
- B. Tiêu hoá hoá, cơ học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.
- C. Tiêu hoá cơ học.
- D. Tiêu hoá hoá học.

Câu 8. Chức năng nào **không** đúng với răng của thú ăn thịt?

- A. Răng cửa gặm và lấy thức ăn ra khỏi xương.
- B. Răng cửa giữ thức ăn.
- C. Răng nanh cắn và giữ mồi.
- D. Răng cạnh hàm và răng ăn thịt lớn cắt thịt thành những mảnh nhỏ.

Câu 9. Sự tiêu hoá thức ăn ở thú ăn thịt như thế nào?

- A. Tiêu hoá hoá học.
- B. Tiêu hoá cơ học.
- C. Tiêu hoá hóa học và cơ học.
- D. Tiêu hoá hoá học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.

Câu 10. Đặc điểm tiêu hóa nào **không** có ở thú ăn thịt?

- A. Dạ dày đơn.
- B. Ruột ngắn.
- C. Thức ăn qua ruột non trải qua tiêu hoá cơ học, hoá học và được hấp thụ.
- D. Manh tràng phát triển.

Câu 11. Các ngành động vật nào sau đây thực hiện trao đổi khí trực tiếp với môi trường qua bề mặt cơ thể?

- A. Giun tròn, ruột khoang, giun đốt.
- B. Chân khớp, giun tròn, thân mềm.
- C. Ruột khoang, thân mềm, chân khớp.
- D. Giun đốt, chân khớp, thân mềm.

Câu 12. Câu nào dưới đây xếp đúng theo trật tự giảm dần nồng độ ôxi?

- A. Các mô tế bào, không khí thở vào, máu rời phổi đi.
- B. Không khí thở vào, máu rời phổi đi, các mô tế bào
- C. Máu rời phổi đi, không khí thở vào, các mô tế bào.
- D. Không khí thở vào, các mô tế bào, máu rời phổi đi.

Câu 13. Khí ở phổi của chim có đặc điểm nào sau đây?

- A. Giàu ôxi khi cơ thể hít vào.
- B. Giàu CO₂ khi cơ thể thở ra.
- C. Giàu ôxi cả khi cơ thể hít vào và khi cơ thể thở ra.
- D. Giàu CO₂ cả khi cơ thể hít vào và khi cơ thể thở ra.

Câu 14. Ý nào dưới đây **không đúng** với đặc điểm trao đổi khí ở động vật?

- A. Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O₂ và CO₂ để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.
- B. Có sự lưu thông khí tạo ra sự chênh lệch về nồng độ khí O₂ và CO₂ để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.
- C. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm ướt giúp O₂ và CO₂ dễ dàng khuếch tán qua.
- D. Bề mặt trao đổi khí rộng và có nhiều mao mạch và máu có sắc tố hô hấp.

Câu 15. Lớp động vật nào sau đây có hình thức hô hấp khác hẳn với các lớp động vật còn lại?

- A. Cá
- B. Chim
- C. Bò sát
- D. Thú

Câu 16. Động vật nào có hệ tuần hoàn hở?

- A. Cá.
- B. Khỉ.
- C. Chim.
- D. Sứa.

Câu 17. Chức năng của hệ tuần hoàn là

- A. vận chuyển các chất dinh dưỡng từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho hoạt động sống của cơ thể.
- B. vận chuyển CO₂.
- C. vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho hoạt động sống của cơ thể.
- D. vận chuyển O₂.

Câu 18. Tôm, cua, trai, sò, hến có hệ tuần hoàn

- A. kín.
- B. hở.
- C. đơn.
- D. kép.

Câu 19. Cấu tạo hệ tuần hoàn kín gồm:

- A. tim, động mạch, khoang cơ thể, tĩnh mạch.
- B. động mạch, tĩnh mạch.
- C. hệ mạch.
- D. tim, động mạch, mao mạch, tĩnh mạch.

Câu 20. Đặc điểm của hệ tuần hoàn hở là

- A. máu chảy dưới áp lực cao và tốc độ nhanh.

- B. máu chảy dưới áp lực thấp và tốc độ chậm.
- C. áp lực máu được duy trì nhờ tính đàn hồi của thành mạch.
- D. khả năng điều hòa tuần hoàn máu nhanh.

Câu 21. Khả năng co giãn tự động theo chu kỳ của tim được gọi là gì?

- A. Tính tự động của tim.
- B. Tính chu kỳ của tim.
- C. Tính hoạt động của tim.
- D. Tính dẫn truyền của tim.

Câu 22. Trong hệ dẫn truyền tim, xung điện phát và truyền theo trật tự:

- A. nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng lưới Puockin.
- B. nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng lưới Puockin.
- C. nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng lưới Puockin → bó His.
- D. nút xoang nhĩ → mạng lưới Puockin → nút nhĩ thất → bó His.

Câu 23. Một chu kì hoạt động của tim bao gồm các pha theo thứ tự nào sau đây?

- A. Pha co tâm nhĩ -> pha dẫn chung -> pha co tâm thất.
- B. Pha co tâm nhĩ -> pha co tâm thất -> pha dẫn chung.
- C. Pha co tâm thất -> pha co tâm nhĩ -> pha dẫn chung.
- D. Pha dẫn chung -> pha co tâm thất -> pha co tâm nhĩ.

Câu 24. Thời gian hoạt động của mỗi pha trong một chu kỳ tim lần lượt là

- A. pha co tâm nhĩ: 0.1 giây, pha co tâm thất: 0.3 giây, pha dẫn chung: 0.4 giây.
- B. pha co tâm nhĩ: 0.3 giây, pha co tâm thất: 0.1 giây, pha dẫn chung: 0.4 giây.
- C. pha co tâm nhĩ: 0.4 giây, pha co tâm thất: 0.3 giây, pha dẫn chung: 0.1 giây.
- D. pha co tâm nhĩ: 0.3 giây, pha co tâm thất: 0.4 giây, pha dẫn chung: 0.1 giây.

Câu 25. Huyết áp là gì?

- A. Áp lực dòng máu khi tâm thất co.
- B. Áp lực dòng máu khi tâm thất dẫn.
- C. Áp lực dòng máu tác dụng lên thành mạch.
- D. Do sự ma sát giữa máu và thành mạch.

Câu 26. Cơ chế duy trì cân bằng nội môi diễn ra theo trật tự nào?

- A. Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận điều khiển → Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích.
- B. Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích.

C. Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện → Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích.

D. Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích.

Câu 27. Liên hệ ngược là sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong

A. sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

B. trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

C. trở về bình thường sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

D. trở về bình thường trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

Câu 28. Bộ phận tiếp nhận kích thích trong cơ chế duy trì cân bằng nội là

A. trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.

B. cơ quan sinh sản.

C. thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu...

Câu 29. Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng

A. điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.

B. làm tăng hay giảm hoạt động trong cơ thể để đưa môi trường trong về trạng thái cân bằng và ổn định.

C. tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh.

D. tác động vào các bộ phận kích thích dựa trên tín hiệu thần kinh và hoocmôn.

Câu 30. Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là

A. trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.

B. các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu...

C. thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. cơ quan sinh sản.

Câu 31: Hướng động là hình thức phản ứng của

A. một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo nhiều hướng.

B. cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.

C. một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.

D. cây trước tác nhân kích thích theo nhiều hướng.

Câu 32: Cơ sở của sự uốn cong trong hướng tiếp xúc là:

A. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

B. Do sự sinh trưởng đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

C. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

D. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng chậm hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

Câu 33: Cho các hiện tượng:

I. Cây luôn vươn về phía có ánh sáng.

II. Rễ cây luôn mọc hướng đất và mọc vươn đến nguồn nước, nguồn phân bón.

III. Cây trinh nữ xếp lá khi va chạm.

IV. Rễ cây mọc tránh chất gây độc.

Hiện tượng **không** thuộc hướng động là

A. I, II. B. III. C. IV. D. I, IV.

Câu 34: Hai loại hướng động chính ở thực vật là

A. hướng sáng dương và hướng sáng âm.

B. ngược chiều trọng lực và cùng chiều trọng lực.

C. hướng tới nguồn nước và tránh xa nguồn nước.

D. hướng tới nguồn kích thích và tránh xa nguồn kích thích.

Câu 35: Thế nào là hướng tiếp xúc?

A. Là sự vươn cao tranh ánh sáng với cây xung quanh.

B. Là sự sinh trưởng khi có tiếp xúc với các cây cùng loài.

C. Là phản ứng sinh trưởng đối với sự tiếp xúc.

D. Là sự sinh trưởng của thân (cành) về phía ánh sáng.

Câu 36: Ứng động ở thực vật là gì?

A. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích không định hướng.

B. Hình thức phản ứng của cây trước nhiều tác nhân kích thích.

C. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích lúc có hướng, khi vô hướng.

D. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích không ổn định.

Câu 37: Thực vật có những kiểu ứng động nào?

- A. Ứng động sinh trưởng - ứng động không sinh trưởng.
- B. Ứng động không sinh trưởng - ứng động để tồn tại.
- C. Ứng động sức trương - hoá ứng động.
- D. Ứng động sinh trưởng - ứng động để tồn tại.

Câu 38: Ứng động sinh trưởng ở thực vật là

- A. vận động cảm ứng do tốc độ sinh trưởng không đều của các tế bào ở hai phía đối diện của cơ quan.
- B. sự thay đổi trạng thái sinh lí - sinh hoá của cây khi có kích thích theo nhịp sinh học.
- C. hình thức phản ứng của cây trước các tác nhân kích thích không định hướng.
- D. sự vận động cảm ứng của cây khi có tác nhân kích thích.

Câu 39: Ứng động không sinh trưởng ở thực vật là

- A. vận động không có sự sinh trưởng dẫn dài của các tế bào khi có tác nhân kích thích.
- B. sự thay đổi trạng thái sinh lí, sinh hoá của cây khi có kích thích theo nhịp sinh học.
- C. hình thức phản ứng của cây trước các tác nhân kích thích không định hướng.
- D. sự vận động có sự sinh trưởng dẫn dài của các tế bào khi có tác nhân kích thích.

Câu 40: Ứng động có vai trò gì đối với đời sống của thực vật?

- A. Giúp cây thích nghi đa dạng với sự biến đổi của môi trường.
- B. Giúp cây sinh trưởng dẫn dài của tế bào thân và rễ.
- C. Tăng tốc độ sinh trưởng của cây dưới tác động của ngoại cảnh.
- D. Nhận biết được thời điểm bắt đầu và kết thúc của ngày nhờ có nhịp sinh học ngày và đêm.

5. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 5

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2019-2020

MÔN SINH HỌC – KHỐI 11

Thời gian làm bài : 45 phút

Câu 1. Hô hấp là gì? Ngoài những đặc điểm của bề mặt trao đổi khí, hãy trình bày những đặc điểm khác của mang giúp trao đổi khí của mang cá xương đạt hiệu quả cao?

Câu 2. Hãy trình bày đại diện, phân loại và đặc điểm của hệ tuần hoàn kín?

Câu 3. Nhịp tim tối đa của con cá voi xanh đạt 37 nhịp mỗi phút vào thời điểm nó ngoi lên mặt nước để thở. Đối với voi, nhịp tim trung bình khoảng 25 -40 nhịp/phút, ở trâu khoảng 40 – 50 nhịp/phút. Nhịp tim ở bò và lợn lần lượt là 50 – 70 nhịp/phút và 60 – 90 nhịp/phút. Đối với con vật có kích thước nhỏ hơn như mèo, thì nhịp tim của nó dao động khoảng 110 – 130 nhịp/phút, ở chuột 720 – 780 lần/phút. Qua đoạn thông tin trên cho biết mối liên hệ giữa nhịp tim và khối lượng cơ thể? Tại sao có sự khác nhau về nhịp tim ở các loài động vật?

Câu 4. Glucôzơ là nguồn năng lượng chính đi nuôi cơ thể, được chuyển hóa từ các loại thực phẩm mà chúng ta cung cấp cho bản thân mỗi ngày. Trong máu của con người luôn có một lượng glucôzơ nhất định để đảm bảo việc cung cấp năng lượng cho các hoạt động thường ngày. Nhờ hoạt động của gan mà nồng độ glucôzơ trong máu người luôn được duy trì ổn định ở mức 0,1%, hãy trình bày vai trò của gan trong điều hòa nồng độ glucôzơ máu luôn ở mức ổn định?

Câu 5.

a/ Hướng động là gì?

b/ Hoàn thành bảng sau về đặc điểm các kiểu hướng động.

Kiểu hướng động	Tác nhân kích thích	Hướng sinh trưởng của cây	Cơ chế chung
Hướng sáng(1)	+ Thân, cành: hướng sáng....(2) + Rễ: hướng sáng.....(3)	Do tốc độ sinh trưởng.....
Hướng trọng lực(4)	+ Thân, cành: hướng đất....(5) + Rễ: hướng đất.....(6)(10) tại 2 phía đối diện của cơ quan dưới tác nhân là.....(11)
Hướng hóa(7)	- Sinh trưởng hướng tới nguồn hóa chất: hướng hóa.....(8) - Sinh trưởng tránh xa nguồn hóa chất: hướng hóa.....(9)	

Câu 6. Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng (Khái niệm và hình thức)? (2 điểm)

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2019-2020

MÔN SINH HỌC – KHỐI 11

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
<p>Câu 1. Hô hấp là gì? Ngoài những đặc điểm của bề mặt trao đổi khí, hãy trình bày những đặc điểm khác của mang giúp trao đổi khí của mang cá xương đạt hiệu quả cao? (1,5 điểm)</p>	<p>- Hô hấp là tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy O₂ từ bên ngoài vào để oxy hóa các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho các hoạt động sống, đồng thời thải CO₂ ra ngoài.</p> <p>- Đặc điểm làm tăng hiệu quả trao đổi khí ở mang cá xương là:</p>	0,5 đ
	<p>+ Miệng và diềm nắp mang phối hợp nhịp nhàng giữa để tạo dòng nước lưu thông từ miệng qua mang.</p>	0,5 đ
	<p>+ Cách sắp xếp của mao mạch trong mang giúp cho dòng máu chảy trong mao mạch song song và ngược chiều với dòng nước chảy bên ngoài mao mạch của mang.</p>	0,5 đ
<p>Câu 2. Hãy trình bày đại diện, phân loại và đặc điểm của hệ tuần hoàn kín? (2 điểm)</p>	<p>- Đại diện: mực ống, bạch tuộc, giun đốt, và động vật có xương sống.</p>	0,5 đ
	<p>- Phân loại: hệ tuần hoàn đơn (cá) và hệ tuần hoàn kép (động vật có phổi).</p>	0,5 đ
	<p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Máu được tim bơm đi lưu thông liên tục trong mạch kín, từ động mạch qua mao mạch, tĩnh mạch và sau đó về tim. Máu trao đổi chất với tế bào qua thành mao mạch.</p>	0,5 đ

				+ Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình, tốc độ máu chảy nhanh.								
Câu 3. Cho biết mối liên hệ giữa nhịp tim và khối lượng cơ thể? Tại sao có sự khác nhau về nhịp tim ở các loài động vật? (1 điểm)				- Nhịp tim tỉ lệ nghịch với khối lượng cơ thể. Loài động vật có khối lượng càng lớn thì nhịp tim càng chậm và ngược lại. - Vì: Những loài động vật có kích thước càng nhỏ thì tốc độ trao đổi chất và năng lượng càng nhanh. → Nhu cầu oxy càng cao và ngược lại, nên tim đập nhanh và ngược lại.	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ							
Câu 4. Nồng độ glucôzơ trong máu người được duy trì ở 0,1%, Hãy trình bày vai trò của gan trong điều hòa nồng độ glucôzơ máu luôn ở mức ổn định?				- Vai trò của gan trong điều hòa nồng độ glucôzơ máu: + Nồng độ đường tăng cao → tụy tiết ra insulin làm tăng quá trình chuyển đường thành glicogen dự trữ trong gan + Nồng độ đường giảm → tụy tiết ra glucagon → chuyển glicogen trong gan thành đường	0,5 đ 0,5 đ							
Câu 5. a/ Hướng động là gì? b/ Hoàn thành bảng sau về đặc điểm các kiểu hướng động.				a/ Hướng động là vận động sinh trưởng định hướng đối với kích thích từ một phía của tác nhân trong ngoại cảnh. b/ (1) Ánh sáng (2) dương (3) âm (4) Trọng lực (5) âm (6) dương (7) Hóa chất (8) dương	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ							
	<table border="1"> <tr> <td>Kiểu hướng động</td> <td>Tác nhân kích thích</td> <td>Hướng sinh trưởng của cây</td> <td>Cơ chế chung</td> </tr> <tr> <td>Hướng sáng</td> <td>..... (1)</td> <td>+ Thân, cành: hướng sáng..(2)</td> <td>Do tốc độ sinh trưởng</td> </tr> </table>	Kiểu hướng động	Tác nhân kích thích	Hướng sinh trưởng của cây	Cơ chế chung	Hướng sáng (1)	+ Thân, cành: hướng sáng..(2)	Do tốc độ sinh trưởng			
Kiểu hướng động	Tác nhân kích thích	Hướng sinh trưởng của cây	Cơ chế chung									
Hướng sáng (1)	+ Thân, cành: hướng sáng..(2)	Do tốc độ sinh trưởng									

		+ Rễ: hướng sáng...(3)	g.....(10)	(9) âm (10) không đều của các tế bào (11) auxin	0,5 đ
Hướng trọng lực (4)	+ Thân, cành: hướng đất. (5) + Rễ: hướng đất.....(6)	tại 2 phía đôi diện của cơ quan dưới		
Hướng hóa (7)	- Sinh trưởng hướng tới nguồn hóa chất: hướng hóa..... (8) - Sinh trưởng tránh xa nguồn hóa chất: hướng hóa.....(9)	tác nhân là..... . (11)		

Câu 6. Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng (Khái niệm và hình thức)?	- Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng		1 đ
		Ứng động sinh trưởng Ứng động không sinh trưởng	
	Khái niệm	Là kiểu ứng động, trong đó tế bào ở hai phía đối diện nhau của cơ quan (lá, cánh hoa) có tốc độ sinh trưởng khác nhau.	Là kiểu ứng động không liên quan đến sự sai khác về sự sinh trưởng dẫn dài của các tế bào thực vật liên quan đến sức trương nước của các miền chuyên hóa.
Hình thức	Vận động liên quan đến đồng hồ sinh học, gồm các kiểu như: quang ứng động, nhiệt ứng động.	Vận động bắt mồi của cây bắt mồi, gọng vó Phản ứng cụp lá của hoa trinh nữ	

6. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 6

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LINH TRUNG
TỔ: HÓA SINH – NHÓM SINH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2019 – 2020
MÔN: SINH HỌC – KHỐI 11
Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1:

- Thế nào là quang hợp ở thực vật?
- Nêu thành phần và chức năng của hệ sắc tố quang hợp trong lá xanh?

Câu 2:

- Phân biệt năng suất sinh học và năng suất kinh tế.
- Nêu các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua sự điều khiển quang hợp.

Câu 3:

- Trình bày đại diện và hiệu suất quang hợp của các nhóm thực vật C_3 , C_4 , CAM.
- Vì sao nói hoạt động sống của toàn bộ các loài động vật phụ thuộc hoàn toàn vào các loài thực vật?

Câu 4:

- Vì sao quang hợp có vai trò quyết định đối với sự sống trên Trái Đất?
- Thế nào là hô hấp sáng, hô hấp sáng gặp ở nhóm thực vật nào?

Câu 5:

- Hãy viết phương trình tổng quát của quá trình hô hấp. Nêu vai trò của hô hấp đối với cơ thể thực vật?
- Cây có lá màu đỏ tím có quang hợp được không? Giải thích.

ĐÁP ÁN

Câu hỏi	Đáp án đề chính thức
Câu 1	<p>a. Quang hợp ở thực vật là quá trình tổng hợp chất hữu cơ / từ CO_2, H_2O/ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng /thành năng lượng có trong chất hữu cơ.</p> <p>Hoặc: Quang hợp ở thực vật là quá trình sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời đã được diệp lục hấp thụ / để tổng hợp cacbohidrat /và giải phóng khí O_2 /từ CO_2, H_2O.</p>

	<p>b. Thành phần và chức năng của hệ sắc tố quang hợp trong lá xanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ sắc tố quang hợp gồm : <ul style="list-style-type: none"> (1) + Diệp lục: gồm diệp lục a và diệp lục b. (2) + Carôtenôit: gồm carôten và xantôphyl. - Chức năng của hệ sắc tố quang hợp trong lá xanh: <ul style="list-style-type: none"> (3) + Các sắc tố khác hấp thụ năng lượng ánh sáng rồi truyền năng lượng đó cho diệp lục a ở trung tâm phản ứng quang hợp theo sơ đồ: Carôtenôit → Diệp lục b → Diệp lục a → Diệp lục a ở trung tâm phản ứng quang hợp. (4) + Chỉ có diệp lục a ở trung tâm phản ứng quang hợp mới tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng trong ATP và NADPH. 				
<p>Câu 2</p>	<p>a. Phân biệt năng suất sinh học và năng suất kinh tế.</p> <table border="1" data-bbox="354 958 1391 1355"> <thead> <tr> <th data-bbox="354 958 874 1019">(1) Năng suất sinh học</th> <th data-bbox="874 958 1391 1019">(2) Năng suất kinh tế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="354 1019 874 1355"> <p>Năng suất sinh học là tổng lượng chất khô tích lũy được mỗi ngày trên 1 hecta gieo trồng trong suốt thời gian sinh trưởng.</p> </td> <td data-bbox="874 1019 1391 1355"> <p>Năng suất kinh tế là một phần của năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan (hạt, củ, quả, lá...) chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loại cây.</p> </td> </tr> </tbody> </table> <p>b. Các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua điều khiển quá trình quang hợp:</p> <p>Cung cấp nước, / bón phân /và chăm sóc hợp lí; /tuyển chọn giống cây có cường độ quang hợp cao và cho sản phẩm quang hợp có giá trị kinh tế (hạt, củ,...) với tỉ lệ cao.</p>	(1) Năng suất sinh học	(2) Năng suất kinh tế	<p>Năng suất sinh học là tổng lượng chất khô tích lũy được mỗi ngày trên 1 hecta gieo trồng trong suốt thời gian sinh trưởng.</p>	<p>Năng suất kinh tế là một phần của năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan (hạt, củ, quả, lá...) chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loại cây.</p>
(1) Năng suất sinh học	(2) Năng suất kinh tế				
<p>Năng suất sinh học là tổng lượng chất khô tích lũy được mỗi ngày trên 1 hecta gieo trồng trong suốt thời gian sinh trưởng.</p>	<p>Năng suất kinh tế là một phần của năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan (hạt, củ, quả, lá...) chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loại cây.</p>				

Câu 3	a. Trình bày đại diện và hiệu suất quang hợp của các nhóm thực vật C ₃ , C ₄ , CAM.			
	Chỉ tiêu phân biệt	Thực vật C ₃	Thực vật C ₄	Thực vật CAM
	Đại diện	Hầu hết các loại thực vật (rêu, cây gỗ,...)	mía, rau dền, ngô,...	TV mọc nước: xương rồng,...
	Hiệu suất QH	Cao	Cao nhất	Thấp
	<p>b. Nói hoạt động sống của toàn bộ các loài động vật phụ thuộc hoàn toàn vào các loài thực vật là vì:</p> <p>(1) Toàn bộ chất hữu cơ mà động vật sử dụng (thức ăn) đều có nguồn gốc từ quang hợp của cây xanh:</p> <p>+ Những loài ăn thực vật như trâu, bò,... thì sử dụng trực tiếp sản phẩm quang hợp.</p> <p>+ Những loài ăn động vật như hổ, báo,... thì sử dụng gián tiếp sản phẩm quang hợp. Ví dụ: Hổ ăn trâu, trâu ăn cỏ.</p> <p>(2) Toàn bộ động vật đều dùng khí O₂ do quang hợp tạo ra để hô hấp.</p> <p>(3) Thực vật là nơi trú ngụ, làm tổ, ẩn náu của động vật.</p>			
Câu 4	a. Quang hợp có vai trò quyết định đối với sự sống trên Trái Đất vì sản phẩm của quang hợp là nguồn khởi đầu cung cấp thức ăn, năng lượng cho sự sống trên Trái Đất/ và là nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp,/ dược liệu cho con người và/ quang hợp còn điều hòa thành phần khí trong sinh quyển.			

7. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 7

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM**

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: SINH HỌC – Lớp 11

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

- A. Giảm nhịp thở để thải CO_2 ra ngoài qua phổi.
- B. Tăng nhịp thở và thở sâu để thải O_2 kịp thời ra ngoài qua phổi.
- C. Tăng nhịp thở và thở sâu để thải CO_2 kịp thời ra ngoài qua phổi.
- D. Giảm nhịp thở để giảm hấp thụ O_2 vào phổi.

Câu 9: Trong hệ tuần hoàn của người, cấu trúc nào sau đây không thuộc hệ dẫn truyền tim?

- A. Van nhĩ thất.
- B. Nút xoang nhĩ.
- C. Bó His.
- D. Nút nhĩ thất.

Câu 10: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về quá trình tiêu hóa ở động vật?

- I. Quá trình tiêu hóa luôn cần có xúc tác của các enzym thủy phân.
- II. Ở động vật đơn bào, chỉ xảy ra tiêu hóa nội bào.
- III. Ở thủy tức, thức ăn được tiêu hóa ngoại bào rồi đến nội bào.
- IV. Tất cả các loài động vật ăn cỏ đều có dạ dày 4 ngăn.

- A. 3.
- B. 2.
- C. 4.
- D. 1.

Câu 11: Những hiện tượng nào sau đây thuộc dạng ứng động sinh trưởng ở thực vật?

- I. Hoa quỳnh nở vào ban đêm.
- II. Khí khổng đóng mở.
- III. Hiện tượng thức ngủ của chồi cây phượng.
- IV. Hiện tượng bắt mồi của cây nắp ấm.

- A. II và IV.
- B. I và III.
- C. I, II và III.
- D. II, III và IV.

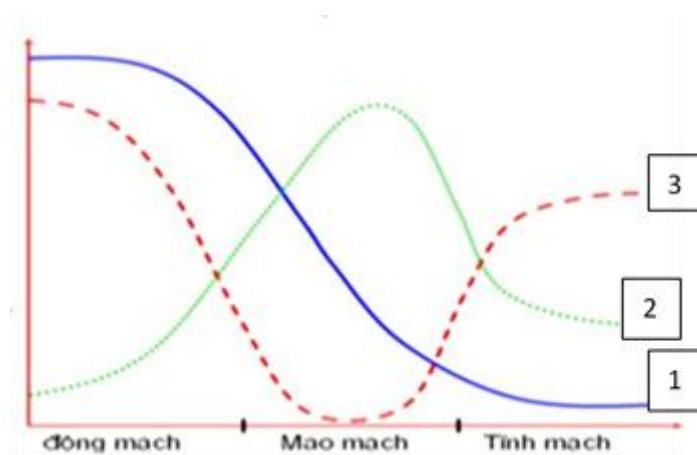
Câu 12: Nồng độ Ca^{2+} trong cây là 0,3%; trong đất là 0,1%. Cây sẽ nhận Ca^{2+} từ đất theo cơ chế nào sau đây?

- A. Thẩm thấu.
- B. Hấp thụ bị động.
- C. Khuếch tán.
- D. Hấp thụ chủ động.

Câu 13: Nhóm thực vật CAM phải cố định CO_2 vào ban đêm. Vì ban đêm

- A. khí trời mát mẻ, nhiệt độ hạ thấp, thuận lợi cho quá trình cố định CO_2 .
- B. lượng CO_2 trong không khí mới đủ cung cấp cho quang hợp.
- C. mới đủ lượng nước cung cấp cho quá trình đồng hoá.
- D. khí khổng mới được mở ra; ban ngày khí khổng đóng để tiết kiệm nước.

Câu 14: Đồ thị dưới đây biểu thị sự biến động của vận tốc máu, tổng tiết diện mạch và huyết áp trong hệ mạch của động vật. Các đường cong 1, 2, 3 lần lượt là:



- A. vận tốc máu, huyết áp, tổng tiết diện mạch.
- B. huyết áp, tổng tiết diện mạch, vận tốc máu.
- C. huyết áp, vận tốc máu, tổng tiết diện mạch.
- D. vận tốc máu, tổng tiết diện mạch, huyết áp.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây là đúng khi nói về con đường hấp thụ nước và ion khoáng qua thành tế bào - gian bào ở rễ cây?

- A. Nhanh và được chọn lọc.
- B. Nhanh và không được chọn lọc.
- C. Chậm và không được chọn lọc.
- D. Chậm và được chọn lọc.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1.

- a. Viết phương trình tổng quát của quá trình quang hợp.
- b. Trình bày vai trò của quang hợp.

Câu 2. Phân biệt hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín về các tiêu chí sau: Cấu tạo hệ mạch, đường đi của máu, tốc độ máu chảy trong động mạch, động vật đại diện.

Câu 3. Vì sao các động vật như cá tràu, cá rô phi, cá diếc khi bị bắt lên cạn sẽ không hô hấp được và chết sau một thời gian ngắn?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

CÂU	Đ/A
1	C
2	A
3	A

4	C
5	A
6	A
7	D
8	C
9	A
10	A
11	B
12	D
13	D
14	B
15	B

II. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung đáp án
Câu 1	<p>a. Viết phương trình tổng quát của quá trình quang hợp.</p> $12 \text{ H}_2\text{O} + 6 \text{ CO}_2 + \text{Q (năng lượng ánh sáng)} \rightarrow \text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6 + 6 \text{ O}_2 + 6 \text{ H}_2\text{O}$ <p>b. Cho biết vai trò của quá trình quang hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo chất hữu cơ cung cấp cho sự sống trên trái đất. - Biến đổi và tích lũy năng lượng (năng lượng vật lí thành năng lượng hoá học). - Hấp thụ CO₂ và thải O₂ điều hòa không khí.

Câu 2	Phân biệt hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín		
	Tiêu chí	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín
	Cấu tạo hệ mạch	Không có mao mạch.	Có mao mạch.
	Đường đi của máu	Tim → động mạch → khoang cơ thể → tĩnh mạch → tim.	Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.
	Tốc độ máu chảy trong động mạch	Chậm hơn.	Nhanh hơn.
Động vật đại diện	Đa số động vật thân mềm (ốc sên, trai...) và chân khớp (côn trùng, tôm..).	Mực ống, bạch tuộc, giun đốt và động vật có xương sống.	
Câu 3	<p>Các động vật như cá tràu, cá rô phi, cá diếc khi bị bắt lên cạn sẽ không hô hấp được và chết sau một thời gian ngắn. Vì:</p> <p>Những động vật này hô hấp bằng mang, khi lên cạn, do mất lực đẩy của nước nên các phiến mang và các cung mang xẹp xuống, dính chặt nhau thành một khối làm diện tích bề mặt trao đổi khí còn rất nhỏ. Hơn nữa, khi lên cạn mang cá bị khô nên cá không hô hấp được và chết sau thời gian ngắn.</p>		

8. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 8

TRƯỜNG THPT LÊ TRUNG KIÊN

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020

MÔN: SINH HỌC – LỚP 11

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nước được vận chuyển từ rễ lên lá nhờ các động lực nào sau đây?

- I. Lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau và với thành mạch gỗ.
- II. Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (rễ, củ...).
- III. Lực hút do thoát hơi nước ở lá.
- IV. Lực đẩy của rễ do áp suất rễ.

- A. II, III, IV. B. I, II, IV. C. I, III, IV. D. I, II, III.

Câu 2. Nhận định nào sau đây đúng khi nói về tiêu hóa ở thú ăn thực vật?

- I. Thức ăn được biến đổi nhờ vi sinh vật.
 II. Thức ăn được tiêu hóa cơ học và hóa học.
 III. Dạ dày chỉ có 4 ngăn.
 IV. Ống tiêu hóa có ruột ngắn, manh tràng rất phát triển.

- A. III, IV. B. II, III. C. I, III. D. I, II.

Câu 3. Dẫn chất khí được tạo ra trong bình có hạt đang nảy mầm vào bình đựng nước vôi trong, nước vôi bị vẩn đục. Thí nghiệm này chứng minh quá trình hô hấp thực vật đã tạo ra

- A. năng lượng ATP. B. hơi H₂O.
 C. khí O₂. D. khí CO₂.

Câu 4. Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng về quá trình quang hợp ở thực vật C₃?

- I. Phân tử ôxi (O₂) được giải phóng trong quang hợp có nguồn gốc từ H₂O.
 II. Sản phẩm ôxi (O₂) của pha sáng không đi vào pha tối.
 III. Nguyên tử ôxi nằm trong chất hữu cơ C₆H₁₂O₆ tạo ra bởi quá trình quang hợp có nguồn gốc từ H₂O ở pha sáng.
 IV. Pha sáng cung cấp ADP và NADPH cho pha tối.

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 5. Có bao nhiêu trường hợp sau đây, rễ cây trên cạn hấp thụ ion K⁺ cần phải tiêu tốn năng lượng ATP?

Trường hợp	Nồng độ ion K ⁺ ở rễ	Nồng độ ion K ⁺ ở đất
1	0,2%	0,1%
2	0,3%	0,4%
3	0,4%	0,6%
4	0,5%	0,2%

- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

Câu 6. Khi ta hoạt động cơ bắp mạnh thì vận tốc máu, huyết áp và hoạt động của tim thay đổi như thế nào?

- A. Vận tốc máu và huyết áp giảm, tim đập nhanh và mạnh.
 B. Vận tốc máu tăng, huyết áp giảm, tim đập nhanh và mạnh.
 C. Vận tốc máu giảm, huyết áp tăng, tim đập nhanh và mạnh.
 D. Vận tốc máu và huyết áp tăng, tim đập nhanh và mạnh.

Câu 14. Người ta thường bảo quản hạt giống bằng phương pháp bảo quản khô. Nguyên nhân là do hạt khô

- A. không còn hoạt động hô hấp.
- B. giảm khối lượng nên dễ bảo quản.
- C. có cường độ hô hấp đạt tối thiểu giúp hạt sống ở trạng thái tiềm sinh.
- D. không còn nước nên sinh vật gây hại không xâm nhập được.

Câu 15. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức nào sau đây?

- A. Tiêu hóa ngoại bào.
- B. Tiêu hóa nội bào.
- C. Tiêu hóa nội bào trước và sau đó là tiêu hóa ngoại bào.
- D. Tiêu hóa ngoại bào trước và sau đó là tiêu hóa nội bào.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày vai trò của thận trong cơ chế điều hòa muối khoáng của cơ thể.

Câu 2. Phân biệt thực vật C_4 và thực vật CAM theo các nội dung sau: Điều kiện sống, loại lục lạp thực hiện quá trình quang hợp, thời gian cố định CO_2 , năng suất sinh học.

Câu 3. Giải thích vì sao cây trên cạn khi bón quá nhiều phân hóa học thì cây sẽ bị héo?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

Mã đề	Câu														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
402	C	D	D	C	D	D	B	D	D	C	D	B	B	C	D

II. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung đáp án
1	Vai trò của thận trong cơ chế điều hòa muối khoáng của cơ thể: - Khi Na^+ trong máu giảm → tuyến trên thận tăng tiết andơstêron → tăng tái hấp thụ Na^+ từ các ống thận. - Ngược lại, khi thừa Na^+ → tăng áp suất thẩm thấu gây cảm giác khát → uống nước nhiều → muối dư thừa sẽ loại thải qua nước tiểu.

2	Phân biệt thực vật C ₄ và thực vật CAM theo các nội dung sau: Điều kiện sống, loại lục lạp thực hiện quá trình quang hợp, thời gian cố định CO ₂ , năng suất sinh học.		
	Nội dung phân biệt	Thực vật C₄	Thực vật CAM
	Điều kiện sống	Sống ở vùng khí hậu nhiệt đới.	Sống ở vùng sa mạc, điều kiện khô hạn kéo dài.
	Loại lục lạp thực hiện	Có 2 loại lục lạp ở tế bào mô giậu và tế bào bao bó mạch.	Có một loại lục lạp ở tế bào mô giậu.
	Thời gian cố định CO₂	Ban ngày	Cả ngày và đêm
	Năng suất sinh học	Cao	Thấp
3	<p>Cây trên cạn khi bón quá nhiều phân hóa học thì cây sẽ bị héo vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón nhiều phân sẽ làm cho nồng độ chất tan ở trong dung dịch đất cao hơn so với nồng độ chất tan ở trong tế bào rễ. - Làm cho rễ không hút được nước từ ngoài môi trường vào mà nước lại đi ra ngoài tế bào. Trong khi đó ở lá, quá trình thoát hơi nước vẫn diễn ra nên làm cho cây thiếu nước dẫn đến bị héo. 		

9. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 9

TRƯƠNG THPT NGUYỄN VĂN
LINH

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020
Môn: SINH HỌC – Lớp 11

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

A/ TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Hô hấp ngoài ở động vật là quá trình

- A. tiếp nhận O₂ và CO₂ của cơ thể từ môi trường sống và giải phóng năng lượng.
- B. cơ thể sử dụng O₂ và CO₂ để tạo ra năng lượng cho các hoạt động sống.

- C. trao đổi khí đảm bảo cho cơ thể có đầy đủ O_2 và CO_2 để oxi hóa các chất trong tế bào.
D. trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là **đúng** khi nói về thoát hơi nước ở thực vật?

- A. Thoát hơi nước chỉ xảy ra ở bề mặt trên của lá.
B. Thoát hơi nước chủ yếu qua cutin.
C. Thoát hơi nước chủ yếu qua khí khổng.
D. Thoát hơi nước chỉ xảy ra ở bề mặt dưới của lá.

Câu 3. Bón quá nhiều phân cây sẽ héo dần rồi chết, nguyên nhân là do

- A. tăng áp suất thẩm thấu của dung dịch đất.
B. dung dịch đất trở thành môi trường nhược trương.
C. tăng áp suất thẩm thấu của rễ cây.
D. rễ cây trở thành môi trường ưu trương.

Câu 4. Phương án nào sau đây **đúng** với trình tự các pha trong chu kì hoạt động của tim?

- (1) Pha co tâm thất.
(2) Pha dẫn chung.
(3) Pha co tâm nhĩ.

- A. (2)→(3)→(1). B. (1)→(3)→(2). C. (3)→(1)→(2). D. (2)→(1)→(3).

Câu 5. Nhận định nào sau đây **sai** khi nói về năng suất kinh tế?

- A. Khối lượng chất khô tích lũy được trong cơ thể của cây trồng.
B. Khối lượng chất khô được tích lũy trong củ của các loại cây lấy củ.
C. Khối lượng chất khô được tích lũy trong cơ quan kinh tế.
D. Khối lượng chất khô được tích lũy trong quả của các loại cây lấy quả.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây **đúng** khi nói về quá trình tiêu hóa ở động vật có túi tiêu hóa?

- A. Thức ăn chỉ được tiêu hóa ngoại bào.
B. Thức ăn chỉ được tiêu hóa nội bào.
C. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội bào.
D. Thức ăn trong túi tiêu hóa không được biến đổi hóa học.

Câu 7. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** khi nói về ưu điểm của tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa so với trong túi tiêu hóa?

- (1) Thức ăn đi theo một chiều trong ống tiêu hóa không bị trộn lẫn với chất thải (phân) còn thức ăn trong túi tiêu hóa bị trộn lẫn chất thải.

Câu 2:

- a. Hãy mô tả đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn (vòng tuần hoàn cơ thể) ở hệ tuần hoàn kép của thú (bắt đầu từ tim)
- b. Vì sao nói hô hấp ở chim đạt hiệu quả cao nhất so với động vật trên cạn?

ĐÁP ÁN**A/ ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

01. D; 02. C; 03. A; 04. C; 05. A; 06. C; 07. D; 08. A; 09. A; 10. A; 11. A; 12. C; 13. A; 14. B; 15. B;

B. ĐÁP ÁN TỰ LUẬN

Câu 1: Phân biệt một số đặc điểm (điều kiện sống, không gian thực hiện, thời gian thực hiện pha tối, năng suất sinh học) về quá trình quang hợp ở các nhóm thực vật C₃ và CAM. (2 điểm)

Đặc điểm	Điều kiện sống	Không gian thực hiện	Thời gian thực hiện pha tối	Năng suất sinh học
Thực vật C₃	Chủ yếu vùng ôn đới, á nhiệt đới	Lục lạp tế bào mô giậu	Ban ngày	Trung bình
Thực vật CAM	Vùng sa mạc, điều kiện khô hạn kéo dài	Lục lạp tế bào mô giậu	Ban ngày và ban đêm	Thấp

Câu 2: Mô tả đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn (vòng tuần hoàn cơ thể) ở hệ tuần hoàn kép của thú (bắt đầu từ tim)?

a. Máu từ tim → Động mạch chủ → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tim.

Hoặc Máu từ tâm thất trái → Động mạch chủ → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tâm nhĩ phải.

b. Vì sao nói hô hấp ở chim đạt hiệu quả cao nhất so với động vật trên cạn?

- Hệ hô hấp của chim gồm đường dẫn khí, phổi và hệ thống túi khí. Phổi chim được cấu tạo bởi hệ thống ống khí giàu mao mạch bao quanh.

- Nhờ hệ thống túi khí mà phổi chim luôn có không khí giàu oxy cả khi hít vào và thở ra.

10. Đề thi HK1 môn Sinh 11 số 10

TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI HỌC KÌ I

Năm học 2019- 2020

MÔN SINH HỌC 11

Thời gian làm bài: 45 phút;

I. TRẮC NGHIỆM: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Úp cây trong chuông thủy tinh lớn, sau một đêm ta thấy có giọt nước ứ ra ở mép lá.

Đây là hiện tượng:

- A. ứ giọt, rỉ nhựa. B. thoát hơi nước. C. ứ giọt. D. rỉ nhựa

Câu 2: Lực đóng vai trò chính trong quá trình vận chuyển nước ở thân là:

- A. Lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn.
B. Lực hút của lá do quá trình thoát hơi nước.
C. Lực đẩy của rễ do quá trình hấp thụ nước.
D. Lực liên kết giữa các phân tử nước.

Câu 3: Cho các đặc điểm sau:

- (1) Mao mạch có tiết diện hẹp
(2) Mao mạch rất mỏng nên nếu máu chảy nhanh gây vỡ mạch máu
(3) Tăng khả năng trao đổi giữa tế bào và máu

Nguyên nhân quyết định vận tốc máu chảy ở mao mạch chậm nhất là:

- A. (1),(2) B. (2) C. (1),(3) D. (3)

Câu 4: Dưới bóng cây mát hơn dưới mái che bằng vật liệu xây dựng, vì:

- A. vật liệu xây dựng hấp thụ nhiệt làm cho nhiệt độ tăng cao, còn lá cây thoát hơi nước làm hạ nhiệt môi trường xung quanh giúp CO₂ khuếch tán vào bên trong lá.
B. vật liệu xây dựng tỏa nhiệt làm môi trường xung quanh nóng lên.
C. cả 2 đều có quá trình trao đổi chất nhưng ở cây quá trình trao đổi chất diễn ra mạnh hơn.
D. vật liệu xây dựng và cây đều thoát hơi nước nhưng cây thoát mạnh hơn

Câu 5: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu nitơ của cây là:

- A. Lá nhỏ có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
B. Sinh trưởng bị còi cọc, lá có màu vàng.
C. Lá mới có màu vàng, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
D. Lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.

Câu 6: Tác dụng chính của kỹ thuật nhỏ cây con đem cấy là gì?

- A. Bố trí thời gian thích hợp để cấy.
- B. Tận dụng được đất gieo khi ruộng cấy chưa chuẩn bị kịp.
- C. Làm đứt chóp rễ và miền sinh trưởng kích thích sự ra rễ con để hút được nhiều nước và muối khoáng cho cây.
- D. Không phải tỉa bỏ bớt cây con sẽ tiết kiệm được giống.

Câu 7: Ý nào dưới đây **không đúng** với đặc điểm của da giun đất thích ứng với sự trao đổi khí?

- A. Tỷ lệ giữa thể tích cơ thể và diện tích bề mặt cơ thể khá lớn.
- B. Da luôn ẩm giúp các khí dễ dàng khuếch tán qua.
- C. Dưới da có nhiều mao mạch và có sắc tố hô hấp.
- D. Tỷ lệ giữa diện tích bề mặt cơ thể và thể tích cơ thể (s/v) khá lớn.

Câu 8: Động lực của dịch mạch rây là sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa:

- A. rễ và thân
- B. thân và lá
- C. Lá và rễ
- D. cành và lá

Câu 9: Sắc tố nào tham gia trực tiếp chuyển hóa năng lượng mặt trời thành ATP, NADPH trong quang hợp?

- A. Diệp lục a và b
- B. Diệp lục a
- C. Diệp lục b
- D. Diệp lục a, b và carotenôit..

Câu 10: Có bao nhiêu phân tử ATP được hình thành từ 1 phân tử glucôzo bị phân giải trong quá trình phân giải hiếu khí :

- A. 32 phân tử
- B. 36 phân tử
- C. 38 phân tử
- D. 34 phân tử

Câu 11: Hệ tuần hoàn của thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn hở là vì :

- A. không có mao mạch nối giữa động mạch và tĩnh mạch.
- B. tốc độ máu chảy chậm.
- C. máu chảy trong động mạch dưới áp lực lớn.
- D. còn tạo hỗn hợp dịch mô – máu.

Câu 12: Các nguyên tố đại lượng gồm:

- A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.
- B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.
- C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.
- D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

Câu 13: Thực vật chỉ hấp thụ được dạng nitơ trong đất bằng hệ rễ là:

- A. Nitơ nitrat (NO_3^-), nitơ amôn (NH_4^+).
- B. Nitơ nitrat (NO_3^-).
- C. Dạng nitơ tự do trong khí quyển (N_2).
- D. Nitơ amôn (NH_4^+).

D. Pha oxy hoá nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1:

- Trình bày khái niệm và phân loại huyết áp?
- Ở người, khi cơ thể mất máu thì huyết áp thay đổi như thế nào? Giải thích?

Câu 2:

- Hướng động ở thực vật là gì?
- Phân biệt hướng động và ứng động ở thực vật ?